

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu công viên cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN01:2021/BXD;

Căn cứ Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định 489/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu đô thị trung tâm thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi – tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 11/1/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch phân khu đô thị trung tâm thành phố Quảng Ngãi - tỷ lệ 1/2000 tại các khu đất có ký hiệu CC-01, HC-01, QT-01 và tuyến đường Phan Long Bằng;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc huỷ bỏ các Quyết định: Số 543/QĐ-UBND ngày 08/8/2017, số 786a/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 và số 928/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 417/UBND-XD ngày 07/02/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi;

Căn cứ Báo cáo số 66/BC-UBND ngày 09/5/2022 của UBND Phường Lê Hồng Phong về kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư về việc lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh Thạch Bích, thuộc Phường Lê Hồng Phong thành phố Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2986/QĐ-UBND ngày 21/06/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 2124/SXD-QHKT ngày 06/10/2022 của Sở Xây Dựng về việc góp ý đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi;

Căn cứ Thông báo số 1538/TB-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố về Kết luận của Chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp Thành viên UBND ngày 23/12/2022;

Căn cứ Kết luận số 1168-KL/TU ngày 01/02/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy cho ý kiến về đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Công viên cây xanh Thạch Bích;

Theo nội dung đề nghị của Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố (gọi tắt là Ban Quản lý dự án) tại Tờ trình số 79/TTr-BQL ngày 02/3/2023 về việc thẩm định, phê duyệt Quy hoạch chi tiết TL 1/500 Khu công viên cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi; ý kiến đề xuất của Phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo thẩm định số 05/BCTĐ-QLĐT ngày 03/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công viên cây xanh Thạch Bích, thành phố Quảng Ngãi.

2. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch:

Diện tích toàn khu quy hoạch khoảng 8,08ha có giới hạn như sau:

- Phía Đông: Giáp khu dân cư hiện hữu;
- Phía Tây: Giáp đường Ngô Thị Nhậm;
- Phía Nam: Giáp đường Hai Bà Trưng;
- Phía Bắc: Giáp đường gom dọc đường Tôn Đức Thắng.

3. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2040;

- Khai thác hiệu quả quỹ đất, góp phần thiết lập không gian kiến trúc cảnh quan tại khu vực, phục vụ sinh hoạt cộng đồng, tạo động lực phát triển đô thị;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kêu gọi đầu tư, thu hút đầu tư, kêu gọi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát huy hiệu quả sử dụng đất; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Làm cơ sở pháp lý và cơ sở kỹ thuật cho việc lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án:

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án được thống kê theo bảng sau:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
I	Mật độ xây dựng gộp tối đa toàn công viên		5%
II	Tầng cao tối đa		
	- Khu tổ chức sự kiện ngoài trời	tầng	1
	- Khu cây xanh, vườn hoa	tầng	1
	- Khu thiếu nhi và trò chơi ngoài nhà	tầng	1
	- Khu dịch vụ	tầng	2
	- Khu thể dục thể thao	tầng	1
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Chỉ tiêu cấp nước		
	- Nước sinh hoạt	l/người/ngày-đêm	100-120
	- Công trình công cộng, dịch vụ	l/người/ngày-đêm	2-4
2	Chỉ tiêu cấp điện		

	- <i>Điện sinh hoạt</i>	w/người/ngày-đêm	300-500
	- <i>Công trình công cộng, dịch vụ</i>	w/m ² sàn/ngày-đêm	30
3	Lượng nước thải	% chỉ tiêu cấp nước	100
4	Lượng rác thải	Kg/người-ngày	0,8-1,0

5. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích khu đất được quy hoạch với các thành phần chức năng cụ thể như sau:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất cây xanh, vườn hoa	27.841,7	34,4
2	Đất tổ chức sự kiện ngoài trời	13.520,2	16,7
3	Đất dịch vụ (phục vụ công viên)	750,1	0,9
4	Đất không gian mở	2.002,7	2,5
5	Đất quảng trường nước	533,1	0,7
6	Đất khu thiếu nhi và trò chơi	2.806,0	3,5
7	Đất tập luyện TDTT	4.269,0	5,3
8	Đất khu nghỉ chân	1.992,6	2,5
9	Đất HTKT	200,0	0,2
10	Đất bãi đỗ xe	4.716,8	5,8
11	Đất giao thông	22.214,5	27,5
	Tổng	80.846,7	100

6. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan:

6.1. Phân khu chức năng:

Tại vị trí tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng, hình thành khu vực tổ chức sự kiện ngoài trời nhằm kết nối với cảnh quan ven sông Trà Khúc. Đây là không gian tập trung đông người với các hoạt động lễ hội, sinh hoạt cộng đồng tạo sự sôi động, hấp dẫn cho khu vực.

Bố trí lối tiếp cận chính từ trục đường Hai Bà Trưng hiện hữu và 02 lối vào phụ từ đường Phan Bội Châu (nối dài) và đường Ngô Thị Nhậm.

Lấy quảng trường nước làm trung tâm của khu vực công viên, phát triển hướng ra các khu chức năng xung quanh và không gian tổ chức sự kiện ngoài trời bằng các trục đường chính. Bên cạnh đó, các khu chức năng được kết nối với nhau bằng một đường bao liên tục, tạo sự kết nối giữa các không gian: nghỉ ngơi, vui

chơi giải trí, tập luyện thể thao...

Bố trí các khu chức năng chính như sau:

- Khu tổ chức sự kiện ngoài trời: Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng;
- Khu dịch vụ và TDTT: Tiếp giáp đường Ngô Thị Nhậm;
- Khu thiếu nhi và trò chơi ngoài nhà: Tại vị trí phía Đông Nam của công viên; Gắn kết với khu cây xanh, vườn hoa;
- Khu cây xanh, vườn hoa.

6.2. Quy hoạch sử dụng đất theo các phân khu chức năng

a. Đất tổ chức sự kiện ngoài trời:

- Kí hiệu: KGSK, bố trí 1 khu đất rộng phía Bắc công viên, toàn bộ khu vực này được xây dựng như một quảng trường lớn.

- Tổng diện tích: 13.520,2 m²; chiếm 16,7%

b. Đất dịch vụ (phục vụ công viên):

- Kí hiệu: DV, gồm 1 khu đất xây dựng công trình dịch vụ và tổ chức khu thể thao

- Tổng diện tích: 750,1 m²; chiếm 0,9%

- Mật độ xây dựng tối đa 40%;

- Tầng cao tối đa 2 tầng;

- Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,8 lần

c. Đất không gian mở:

- Kí hiệu: KG, gồm 2 ô đất bố trí các tiện ích ghế ngồi, mái che. Là nơi gặp gỡ giao lưu giữa mọi người.

- Tổng diện tích: 2.002,7 m²; chiếm 2,5%

d. Đất cây xanh, vườn hoa:

- Kí hiệu: MX, gồm 33 ô đất tổ chức trồng cây xanh, thảm cỏ và vườn hoa của toàn công viên.

- Tổng diện tích: : 27.841,7 m²; chiếm 34,4%

e. Đất quảng trường nước

- Kí hiệu: QTN, gồm 1 ô đất xây dựng quảng trường nhỏ với hệ thống phun nước trên bề mặt.

- Tổng diện tích: 533,1 m²; chiếm 0,7%

f. Đất khu thiếu nhi và trò chơi

- Kí hiệu: SC, gồm 1 ô đất xây dựng sân chơi và bãi cát cho trẻ em, có bố trí các thiết bị vui chơi, mái che và ghế ngồi

- Tổng diện tích: 2.806 m²; chiếm 3,5%
- Mật độ xây dựng tối đa 5%;
- Tầng cao tối đa 1 tầng;
- Hệ số sử dụng đất tối đa : 0,05lần

g. Đất tập luyện TDTT

- Kí hiệu: TDTT, gồm 1 ô đất bố trí các thiết bị hỗ trợ tập thể dục, mái che, ghế ngồi...

- Tổng diện tích: 4.269,0 m²; chiếm 5,3%

h. Đất khu nghỉ chân:

- Kí hiệu: NC, gồm 11 ô đất xây dựng các chòi nghỉ, bố trí bàn ghế và các tiện ích.

- Tổng diện tích: 1.992,6 m²; chiếm 2,5%
- Mật độ xây dựng tối đa 50%;
- Tầng cao tối đa 1 tầng;
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,5 lần

i. Đất HTKT:

- Kí hiệu: HTKT, gồm 1 ô đất xây dựng trạm xử lý nước thải
- Tổng diện tích: 200 m²; chiếm 0,2%
- Mật độ xây dựng tối đa 80%;
- Tầng cao tối đa 1 tầng;
- Hệ số sử dụng đất tối đa : 0,8 lần

j. Đất bãi đỗ xe:

- Kí hiệu: BX, gồm 5 vị trí xây các bãi đỗ xe của công viên
- Tổng diện tích: 4.716,8 m²; chiếm 5,8%

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

- Đường Hai Bà Trưng: Giáp ranh giới phía Nam khu vực lập quy hoạch. Giữ nguyên quy mô mặt cắt hiện trạng; cải tạo vỉa hè phía Bắc, tổ chức vịnh đậu xe và lối vào chính phía Nam công viên.

- Đường Ngô Thì Nhậm: Giáp ranh giới phía Tây khu vực lập quy hoạch. Quy mô mặt cắt Bn=16,5m. Tổ chức vịnh đậu xe phía Tây công viên, lối vào phụ và lối vào tiếp cận các công trình dịch vụ.

- Đường Phan Bội Châu nằm ở phía Đông khu vực lập quy hoạch. Quy mô

mặt cắt $B_n=28m$. Tổ chức vịnh đậu xe và lối vào chính phía Đông.

- Đường Tôn Đức Thắng giáp ranh giới phía Bắc khu vực lập quy hoạch. Cải tạo dải cây xanh, đường gom tạo vịnh đậu xe và tổ chức quảng trường chính tạo không gian mở từ công viên hướng ra sông Trà Khúc.

b. Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường đi bộ và sân nội bộ, quảng trường trong khu quy hoạch sẽ được sử dụng các loại vật liệu lát gạch, đá... màu sắc phù hợp với thiết kế kiến trúc. Các tuyến đường nội bộ được thiết kế đảm bảo tiếp cận đến tất cả các khu vực.

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- Cao độ san nền quy hoạch căn cứ vào cao độ hiện trạng nền tự nhiên, cao độ các tuyến đường xung quanh khu vực nghiên cứu, các cao độ thiết kế trong các đồ án quy hoạch có liên quan và phù hợp thiết kế kiến trúc của đồ án. Cao độ thiết kế nền của khu vực nghiên cứu lựa chọn từ 7,50m đến 9,60m.

- Toàn bộ khu quy hoạch là đất xây dựng mới; vì vậy việc xác định độ cao nền xây dựng đảm bảo không ngập úng, khớp nối với các tuyến đường có sẵn tại khu vực và thoát nước nhanh chóng.

- Cao độ thiết kế tim đường dựa vào cao độ khống chế tim đường có sẵn và các khu dân cư chính trang.

b. Thoát nước mưa:

- Chọn hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

- Hướng thoát nước: Toàn bộ nước mưa thu gom bằng cửa thu trên các tuyến đường lập quy hoạch. Hướng thoát chính đổ về tuyến đường Ngô Thị Nhậm và tuyến đường Hai Bà Trưng

- Sử dụng cống bê tông ly tâm đặt dưới vỉa hè.

- Dọc theo các tuyến cống thoát nước có bố trí hố ga thu nước mưa mặt đường với khoảng cách trung bình giữa các hố ga khoảng 30-50m;

- Độ dốc đường ống cống thoát nước chọn trên cơ sở đảm bảo tốc độ nước chảy trong cống $V_{min} \geq 0,6m/s$. Vận tốc lớn nhất $V_{max}=4m/s$.

- Độ sâu chôn cống trên mặt đường $h \geq 0,7$. Đối với các ống cống nằm dưới mặt đường phải chịu được tải trọng H30, còn ống cống trên vỉa hè, công viên phải chịu được tải trọng H10.

- Kết cấu các tuyến cống thu nước khu vực trong công viên dùng cống hộp B400-B600 đi theo đường nội bộ và mép cây xanh trong khu vực để thoát nước cho khu vực

7.3. Quy hoạch cấp nước:

a. Tiêu chuẩn dùng nước:

- Chỉ tiêu cấp nước cho công trình công cộng, dịch vụ, nước tưới cây, rửa đường căn cứ theo QCVN 01-2021: “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng” và các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành. Nhu cầu cấp nước khu vực quy hoạch khoảng 200 m³/ngđ.

b. Nguồn nước:

- Nguồn nước dự kiến được lấy từ tuyến đường ống cấp D100 trên đường Ngô Thị Nhậm thuộc dự án khu tái định cư khu II đê bao.

c. Mạng lưới:

- Đường ống cấp nước sinh hoạt:

+ Mạng lưới đường ống cấp nước sinh hoạt gồm những đường ống có đường kính từ 50mm đến 100mm, được tổ chức dạng tuyến ống nhánh đảm bảo cấp đủ lưu lượng nước cấp cho khu vực; đồng thời luôn đảm bảo cấp nước kịp thời cho công tác phòng cháy chữa cháy, áp lực nước đường ống đảm bảo cấp nước cho các công trình ở vị trí cao nhất (với áp lực tự do thấp nhất là 15m).

+ Cần đảm bảo đủ nước cung cấp kịp thời cho công tác phòng cháy chữa cháy cho các khu, đặc biệt các khu hay tập trung đông du khách.

+ Ống cấp nước sử dụng loại ống nhựa HDPE hoặc các loại vật liệu khác, độ sâu chôn ống có đường kính $D \geq 100$ mm tối thiểu 70cm so với mặt đất nền. Các tuyến cung cấp có đường kính ống $D = 50$ mm độ sâu chôn ống tối thiểu 50cm so với mặt đất nền.

+ Tại các vị trí đầu nối giữa tuyến ống truyền tải với tuyến ống nhánh, có bố trí các khoá để điều tiết lưu lượng nước và quản lý mạng khi có sự cố.

+ Tại các vị trí thấp trên mạng lưới cấp nước có bố trí van xả cặn để thuận lợi khi vệ sinh đường ống cấp nước và trên các vị trí cao có bố trí các van xả khí để thoát khí trong mạng lưới cấp nước.

- Đường ống cấp nước tưới

+ Mạng lưới đường ống tưới là hệ thống tưới tự động và bán tự động kết hợp. Hệ thống tưới tự động sẽ đảm bảo tiết kiệm nước tưới, đồng thời tiết kiệm chi phí vận hành. Đường kính ống chính có kích thước D50-D27 lắp đặt dọc theo các trục đường giao thông, đồng thời bố trí van khóa tại các vị trí nhánh rẽ để dễ dàng sửa chữa hệ thống khi cần thiết.

- Cấp nước phòng cháy chữa cháy

+ Nhằm đảm bảo an toàn và kịp thời công tác phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn quy phạm và theo yêu cầu chuyên ngành; tổ chức lắp đặt các họng cứu hỏa trên các trục đường, tại các ngã 3, ngã 4, các khu dịch vụ và vui chơi, nơi thường xuyên có đông người tập trung.

+ Họng cứu hỏa được đặt trên các tuyến đường ống chính có đường kính ống $D > 100$ mm; khoảng cách giữa các họng cứu hỏa đặt cách nhau không quá 150m.

+ Ngoài việc sử dụng các họng nước cứu hỏa này còn tận dụng nguồn nước mặt tại hồ và suối nhằm cung cấp lượng nước cứu hỏa kịp thời khi có sự cố xảy ra

+ Hiện tại khu vực gần công trình dịch vụ quy hoạch đã có 01 họng thuộc dự án Khu tái định cư khu II để bao đảm bảo khoảng cách đến công trình nằm trong bán kính <150m.

d. Cấp nước phòng cháy chữa cháy:

- Nhằm đảm bảo an toàn và kịp thời công tác phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn quy phạm và theo yêu cầu chuyên ngành; tổ chức lắp đặt các họng cứu hỏa trên các trục đường, tại các ngã 3, ngã 4, các khu dịch vụ và vui chơi, nơi thường xuyên có đông người tập trung.

- Họng cứu hỏa được đặt trên các tuyến đường ống chính có đường kính ống $D > 100\text{mm}$; khoảng cách giữa các họng cứu hỏa đặt cách nhau không quá 150m.

- Ngoài việc sử dụng các họng nước cứu hỏa này còn tận dụng nguồn nước mặt tại hồ và suối nhằm cung cấp lượng nước cứu hỏa kịp thời khi có sự cố xảy ra

- Hiện tại khu vực gần công trình dịch vụ quy hoạch đã có 01 họng thuộc dự án Khu tái định cư khu II để bao đảm bảo khoảng cách đến công trình nằm trong bán kính <150m.

7.4. Quy hoạch cấp điện:

a. Nguồn điện:

- Nguồn điện cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất trong khu vực được lấy từ trạm 110/22kV Núi Bút. Xuất tuyến 22kV hiện trạng trên đường Hai Bà Trưng. Nhu cầu cấp điện cho khu vực khoảng 200kVA.

b. TBA 22/0.4KV:

- Trạm biến áp dùng trạm một cột dạng đài sen, đặt trong khu vực cây xanh để đảm bảo mỹ quan. Khu vực công viên bố trí 1 trạm biến áp, công suất 250kVA để cấp điện cho khu vực.

c. Lưới điện 0,4kV:

- Lưới 0,4kV đi ngầm theo vỉa hè đến cấp điện cho công trình dịch vụ.

d. Lưới điện chiếu sáng:

- Bố trí đèn chiếu sáng hai bên đường đối với tất cả các tuyến. Hệ thống dây chiếu sáng tổ chức đi ngầm theo vỉa hè. Khu vực công viên bố trí chiếu sáng sân vườn, đường đi bộ kết hợp với hệ thống đèn trang trí, đèn chiếu cây,... đảm bảo mỹ quan công viên. Khu vực quảng trường chính phía Bắc bố trí 02 đèn cao áp để chiếu sáng cho toàn khu.

- Bóng đèn chiếu sáng: Toàn bộ hệ thống chiếu sáng đều dùng đèn LED đối với các trụ thép. Còn đối với các tuyến đường lát đá, đường đi dạo thì dùng đèn dẫn lối xen kẽ với trụ thép bóng đèn LED để phù hợp với cảnh quan.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải.

a. Lưu lượng nước bản sinh hoạt:

- Các chỉ tiêu thoát nước thải: lấy bằng 100% tiêu chuẩn cấp nước.
- Nhu cầu thoát nước thải khu vực khoảng 15 m³/ngđ.

b. Quy hoạch thoát nước thải:

- Lựa chọn hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Toàn bộ hệ thống thoát nước được thu gom về trạm xử lý nước thải được bố trí trong khu vực công viên để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Nhu cầu thoát nước thải công trình trong khu vực quy hoạch là 15m³/ngđ. Tuy nhiên đề xuất trạm xử lý nước thải có dự trữ xử lý nước thải cho khu vực dân cư lân cận. Dự kiến công suất trạm khoảng 300 m³/ngày.đêm.

- Giải pháp trạm xử lý nước thải dự kiến xây dựng ngầm trong công viên, xung quanh trồng cây xanh cách ly đảm bảo khoảng cách cách ly an toàn môi trường theo quy định.

- Hệ thống thu gom bằng cống bê tông ly tâm D300 để thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải.

7.6. Hệ thống thông tin liên lạc:

Hệ thống đường dây thông tin liên lạc được tổ chức đi dọc theo các trục đường giao thông trong khu vực, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sử dụng trong dân cư.

7.7. Thu gom chất thải rắn và nghĩa trang:

- Rác thải được thu gom theo đúng các phương thức phù hợp với quy hoạch: Đặt các thùng rác có dung tích và kiểu dáng phải phù hợp để đảm bảo mỹ quan chung. Rác thải sẽ được tập kết tại các vị trí thuận lợi để xe chuyên dụng vào thu gom và vận chuyển đến bãi xử lý chất thải rắn chung thành phố.

- Không quy hoạch nghĩa trang trong khu vực. Di dời toàn bộ mồ mã nằm rải rác về nghĩa trang chung của thành phố.

(Phần chi tiết có thuyết minh và bản vẽ thẩm định kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố Quảng Ngãi tham mưu cho UBND thành phố quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

- Giao Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố:

+ Chỉ đạo đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ và triển khai thực hiện dự án theo các ý kiến thẩm định của Phòng Quản lý đô thị thành phố tại Báo cáo thẩm định số 05/BCTĐ-QLĐT ngày 03/03/2023.

+ Phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức

công khai, công bố và cấm mốc giới quy hoạch theo quy định.

+ Tham mưu UBND thành phố phối hợp với các Sở, ban ngành của tỉnh; phối hợp các phòng, ban có liên quan của thành phố tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư và đề án quy hoạch được phê duyệt.

+ Trên cơ sở Đề án được phê duyệt; tham mưu UBND thành phố lập các thủ tục thực hiện đầu tư dự án. Dự kiến, bố trí đầy đủ, đảm bảo quỹ đất tái định cư phục vụ thực hiện dự án đầu tư khả thi.

- Giao UBND phường Lê Hồng Phong chủ trì, phối hợp Ban Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công bố, công khai đề án quy hoạch theo quy định; đồng thời thực hiện đầy đủ, đảm bảo chức năng quản lý Nhà nước về đất đai, xây dựng, trật tự xây dựng đối với khu vực được lập quy hoạch và được UBND tỉnh hủy bỏ quy hoạch tại Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh về việc hủy bỏ các Quyết định: Số 543/QĐ-UBND ngày 08/8/2017, số 786a/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 và số 928/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng thành phố, Trưởng các Phòng: Quản lý đô thị, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường; Chủ tịch UBND phường Lê Hồng Phong; Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Xây dựng;
- CT, các PCT UBND TP;
- VPTP: C, PCVP, CV (XD);
- Lưu: VT, QLĐT (Việt).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trà Thanh Danh